

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 23/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Giàu
2. Phạm Quốc Hùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm; Bà Huỳnh Hoàng H – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2025/TLST-HS ngày 06/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2025/QĐXXST-HS ngày 30/6/2025 đối với bị cáo:

1. Đinh Quốc T, sinh năm 1992 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số A, khu phố A, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083092016756; danh chỉ bản số: 26 lập ngày 04/4/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T1, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1997; con: có 02 người con sinh năm 2019 và năm 2023; tiền án; không; tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

2. La Thị Tuyết V, sinh năm 1982 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083182020193; danh chỉ bản số: 25 lập ngày 04/4/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: mua bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1960; bị cáo từng kết hôn với Dương Hoàng D, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: có 02 người con sinh năm 2003 và năm 2009; tiền án; không; tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2023 La Thị Tuyết V nhờ Đinh Quốc T là chuyên viên Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2) chi nhánh B hỗ trợ vay vốn ngân hàng để mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhưng V không có sở hữu đất hoặc tài sản gì có giá trị bảo đảm, khi T hỏi V có tài sản gì không thì V nói không có thì T nói “để tôi tính cho bà ơi”. Sau đó, T chụp hình căn cước công dân, cơ sở kinh doanh của V để làm thủ tục vay vốn, đồng thời sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook của mình tên "Đinh Quốc T" vào trang "Dịch vụ giấy tờ giá rẻ" và để lại số điện thoại của T là 0932853357 thì được Trịnh Quang T3 gọi đến cho T thỏa thuận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 6.000.000 đồng, T3 yêu cầu T cung cấp thông tin cá nhân của chủ sở hữu, T cung cấp số căn cước công dân, họ tên, năm sinh, địa chỉ của V nhưng T3 yêu cầu T cung cấp số chứng minh nhân dân nên Trọng liên hệ V lấy số chứng minh nhân dân của V và cung cấp cho T3, T3 hỏi thông tin về thửa đất như thế nào, T trả lời sao cũng được và gửi T3 địa chỉ để gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về cho T. Sau đó, T3 gửi thông tin cho người tên “Ngạn” (không rõ nhân thân, lai lịch) để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, khi nào làm xong “Ngạn” trực tiếp gửi cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T và thu tiền.

Khoảng 05 ngày sau, nhân viên giao hàng liên hệ hẹn T giao hàng tại bưu cục gần Ngã tư T, Trọng nhận và trả cho nhân viên giao hàng 6.000.000 đồng. T mở ra xem bên trong có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, đứng tên La Thị Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, do Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký, T chụp hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gửi lên hệ thống của ngân hàng V2, bổ sung chứng từ vay vốn cho V. Sau đó, T mang hồ sơ vay vốn đưa cho V ký tên, V thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên hỏi T “sao đứng tên số đỏ”, T trả lời “miễn sao vay vốn được thôi” và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho V cất giữ, V không ý kiến và vẫn đồng ý để T làm hồ sơ vay cho V. Khoảng 01 tuần sau, Trịnh Minh T5 là chuyên viên ngân hàng thuộc Phòng Thực địa, Trung tâm thẩm định và phê duyệt tập trung M, khối vận hành của V2 tại tỉnh Long An đến thực địa, kiểm tra hồ sơ vay vốn cho V, T5 đến cửa hàng phế liệu của V chụp hình và chụp hình Căn cước công dân của V và yêu cầu V đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; V lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ra đưa cho T5 chụp hình để hoàn thành thủ tục hồ sơ vay vốn cho V. Vài ngày sau, T thông báo hồ sơ vay vốn của V đã được duyệt, kêu V ra ngân hàng để nhận vốn số tiền 241.500.000 đồng (lãi suất vay 31% /năm, đã trừ 11.500.000 đồng tiền phí bảo hiểm tiền vay). Ngày hôm sau, V hẹn T đến quán cà phê gần chợ L, thành phố B đưa cho T 2.000.000 đồng tiền công làm hồ sơ vay vốn và 6.000.000 đồng phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, hành vi của T và V bị phát hiện.

Thu giữ, tạm giữ tài liệu: 01 bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 585059, đứng tên La Thị

Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký, do La Thị Tuyết V giao nộp.

Tại Bản Kết luận giám định số 533/2024/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE" trên mẫu cần giám định là giả và được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Chữ ký mang tên "Lê Minh T4" trên mẫu cần giám định so với chữ ký mang tên "Lê Minh T4" trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra".

Quá trình điều tra, Đinh Quốc T và La Thị Tuyết V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Tại cáo trạng số 30/CT-VKSTPBT ngày 06/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long) đã truy tố các bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đinh Quốc T từ 9 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo La Thị Tuyết V từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Lưu hồ sơ vụ án 01 bản Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 585059, đứng tên La Thị Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 8/2023, Đinh Quốc T có hành vi cung cấp thông tin của La Thị Tuyết V để làm giả Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 585059, đứng tên La Thị Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký. Sau đó, La Thị Tuyết V sử dụng giấy tờ giả này để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng V2 Chi nhánh tỉnh B với số tiền 241.500.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý cung cấp thông tin và thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sử dụng giấy tờ giả này để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng V2 Chi nhánh tỉnh B. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật làm giảm lòng tin của người dân đối với cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, thấy rằng việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết; các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao nên giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình quản lý cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về vai trò đồng phạm, trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T có vai trò chính là người trực tiếp liên hệ, cung cấp các thông tin để cho cá đối tượng khác làm giả giấy tờ nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có nghề nghiệp thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Lưu hồ sơ vụ án 01 bản Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 585059, đứng tên La Thị Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo V đã đưa cho bị cáo T thì 6.000.000 đồng là tiền bị cáo V trả lại cho bị cáo T khi T đã trả tiền làm giấy giả thay bị cáo V và số tiền 2.000.000 đồng còn lại là tiền V cho T vì T giúp V vay được tiền từ Ngân hàng không thuộc trường hợp thu lợi bất chính từ hành vi làm giấy tờ giả nên không buộc bị cáo T phải giao nộp lại số tiền này để nộp Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với hành vi của Trịnh Quang T3 có liên quan đến việc làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q khởi tố, điều tra, xử lý trong vụ án khác nên nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với việc Đinh Quốc T và La Thị Tuyết V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm thủ tục vay 241.500.000 đồng tại V2 Chi nhánh tỉnh B nhưng hành vi của các bị cáo chỉ nhằm mục đích vay được nguồn vốn. Sau khi vay, V cũng đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi suất hàng tháng cho Ngân hàng đúng theo hợp đồng, đại diện Ngân hàng xác định Ngân hàng cũng không bị thiệt hại. Do đó, hành vi của Đinh Quốc T, La Thị Tuyết V chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp và hình phạt bổ sung có phần chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Quốc T; La Thị Tuyết V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

1.1 Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đinh Quốc T 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/7/2025).

Giao bị cáo Đinh Quốc T cho Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo La Thị Tuyết V 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/7/2025).

Giao bị cáo La Thị Tuyết V cho Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung, áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự:

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Quốc T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo La Thị Tuyết V số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Lưu hồ sơ vụ án 01 bản Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 585059, đứng tên La Thị Tuyết V, sinh năm 1982, số chứng minh nhân dân: 321150864, địa chỉ thường trú: 243D1, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 18/02/2022, Lê Minh T4 Quyền Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B ký.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đinh Quốc T; La Thị Tuyết V mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. Sơn Đông (2b);
- Bị cáo (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình